

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Đỗ Trọng Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 337/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T; nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã N, huyện T (nay là TDP D, phường P, thành phố T), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: D, Hồ N; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đức H; nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã N, huyện T (nay là TDP D, phường P, thành phố T), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: R, F, 27 HAK PO STREET, YAU TSIM MONG DISTRICT, KOWLOON, Hồ N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thành phố T), thành phố Hải Phòng vào ngày 20/4/2015. Quá trình chung sống, chị T và anh Bùi Đức H hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn. Năm 2020, chị T và anh H sang Hồng Kông sinh sống, do có mâu thuẫn từ trước nên anh chị không ở cùng nhau, mỗi lần liên lạc đều xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay nhận thấy vợ chồng không thể dung hòa, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Bùi Đức H.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H có hai con chung là Bùi Khải A, sinh ngày 09/01/2015 và Bùi Phú T1, sinh ngày 12/5/2017, hiện nay đang ở với ông bà nội là ông Bùi Đức H1, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị X, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện T (nay là TDP D, phường P, thành phố T), thành phố Hải Phòng. Nay ly hôn, chị T đề nghị giao con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Bùi Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Bùi Đức H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh Bùi Đức H được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Anh Bùi Đức H và chị Lê Thị T có hai con chung là Bùi Khải A, sinh ngày 09/01/2015 và Bùi Phú T1, sinh ngày 12/5/2017, hiện nay đang ở với ông bà nội. Nay ly hôn, anh H đề nghị giao hai con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh H tự giải quyết với chị T.

Về tài sản chung: Anh Bùi Đức H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Bùi Đức H nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn là chị Lê Thị T và bị đơn là anh Bùi Đức H đang ở Hồ N, hai anh chị cùng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều

28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thành phố T), thành phố Hải Phòng vào ngày 20/4/2015. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Năm 2020, chị T và anh H sang Hồng Kông sinh sống, do có mâu thuẫn từ trước nên anh chị không ở cùng nhau, mỗi lần liên lạc đều xảy ra cãi vã. Đến nay, vợ chồng anh chị đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc xin ly hôn với anh Bùi Đức H.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H có hai con chung là Bùi Khải A, sinh ngày 09/01/2015 và Bùi Phú T1, sinh ngày 12/5/2017, hiện nay đang ở với ông bà nội là ông Bùi Đức H1, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị X, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện T (nay là TDP D, phường P, thành phố T), thành phố Hải Phòng. Ly hôn, chị T và anh H cùng yêu cầu giao hai con chung cho anh H nuôi dưỡng. Hai con chung đều có nguyện vọng muốn được ở với bố nếu anh H và chị T ly hôn. Nhận thấy việc chị T và anh H yêu cầu giao hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh H đã được đã được Tòa án giải thích về việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con tuy nhiên anh chị đề nghị được tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc anh chị tự thỏa thuận về cấp dưỡng là tự nguyện, do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị T và anh H có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh chị có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Bùi Đức H.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Bùi Khải A, sinh ngày 09/01/2015 và Bùi Phú T1, sinh ngày 12/5/2017 cho anh Bùi Đức H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Bùi Đức H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000920 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị T đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Bùi Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Thủy Đường, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trọng Tuấn

Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Xuân Tuyến

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyên